

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Chương trình MTQG  
xây dựng nông thôn mới năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Công văn số 1836/BNN-VPĐP ngày 31/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tiếp tục hoạt động hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp năm 2021; Công văn số 9539/BTC-NSNN ngày 20/8/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;*

*Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Công văn số 159/VPĐP-KHTH ngày 24/3/2022 đề nghị thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Chương trình xây dựng NTM và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2022;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2066/STC-QLNSHX ngày 22/4/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 (Kinh phí hoạt động chỉ đạo, điều hành; Tập huấn, truyền thông và phát hành bản tin NTM năm 2022), cụ thể như sau:

**1. Nội dung:** Dự toán kinh phí thực hiện chỉ đạo, điều hành; Tập huấn; Truyền thông và phát hành bản tin NTM năm 2022.

- Đơn vị thực hiện: Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh.

**- Dự toán kinh phí: 3.926.026.000 đồng;**

( Ba tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn đồng)

Trong đó:

- Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo và Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh: 2.168.630.000 đồng.

- Tập huấn kiến thức xây dựng nông thôn mới: 728.680.000 đồng.

- Tuyên thông và phát hành bản tin NTM : 1.028.750.000 đồng (Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

**2. Nguồn kinh phí:** Nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được giao tại Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

- Sở Tài chính thông báo bổ sung dự toán cho đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Căn cứ nội dung và kinh phí được giao: Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh và các ngành, đơn vị có liên quan, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện theo đúng mục tiêu được phê duyệt và đúng quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/cáo);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO TRIỂN  
Khai chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh năm 2022**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*ĐVT: đồng*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán</b>	<b>Ghi chú</b>
1	KP hoạt động BCD và Văn phòng Điều phối NTM tỉnh	2.168.630.000	Biểu 1
2	KP tập huấn kiến thức xây dựng nông thôn mới	728.680.000	Biểu 2
3	KP truyền thông và phát hành bản tin NTM	1.028.750.000	Biểu 3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.926.026.000</b>	

\* **Ghi chú:** Dự toán tạm tính bình quân; đơn vị thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành./.

**BIỂU 1: DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO VÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH  
NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

ĐVT: Đồng

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mức tính</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Kinh phí (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>*</b>	<b>Cộng:</b>					<b>2.168.630.000</b>	
<b>I</b>	<b>Hội nghị, hội thảo, giao ban, triển khai nhiệm vụ.</b>			0	0	<b>728.700.000</b>	<b>(Có chi tiết tại biểu 1.1)</b>
<b>II</b>	<b>Chi phục vụ thẩm định hồ sơ để xem xét, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM; Địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.</b>					<b>315.130.000</b>	
<b>1</b>	<b>In ấn tài liệu; vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công tác; hỗ trợ kinh phí thẩm định hồ sơ bỏ phiếu xét công nhận xã, huyện đạt chuẩn NTM (67 xã + 02 huyện = 69)</b>					<b>250.130.000</b>	
-	In ấn, phô tô tài liệu phục vụ công tác bỏ phiếu xã đạt chuẩn NTM năm 2022 (10 xã)	Bộ	390	50.000	18 x 39 bộ x 50.000đ	19.500.000	
-	In ấn, phô tô tài liệu phục vụ công tác bỏ phiếu xã đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2022 (12 xã)	Xã	468	50.000	22 x 39 bộ x 50.000đ	23.400.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
-	In ấn, phô tô tài liệu phục vụ công tác bỏ phiếu xã đạt chuẩn NTM Kiểu mẫu năm 2022 (07 xã)	Xã	156	50.000	07 x 39 bộ x 50.000đ	7.800.000	
-	In ấn, phô tô tài liệu phục vụ Hội đồng thẩm định bỏ phiếu xã đạt chuẩn NTM năm 2021 chuyển sang (20 xã trong đó: 06 xã NTM, 08 xã NTM nâng cao và 06 xã NTM kiểu mẫu)	Xã	360	60.000	20 x 18 bộ x 60.000đ	21.600.000	
-	In ấn, phô tô tài liệu phục vụ công tác bỏ phiếu huyện đạt chuẩn NTM (02 huyện x 02 lần)	Bộ	180	70.000	02 x 45 bộ/x 70.000đ x 02 lần	12.600.000	
-	Hỗ trợ đọc tài liệu thẩm định hồ sơ bỏ phiếu xét công nhận xã đạt chuẩn NTM năm 2022 (29 xã, huyện)	Xã	1015	100.000	29 x 35 bộ/xã 100.000đ	101.500.000	
-	Hỗ trợ đọc tài liệu phục vụ Hội đồng thẩm định bỏ phiếu xã đạt chuẩn NTM năm 2021 chuyển sang (20 xã trong đó: 06 xã NTM, 08 xã NTM nâng cao và 06 xã NTM kiểu mẫu)	Xã	220	100.000	20 x 11 bộ/xã 100.000đ	22.000.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
-	In Bảng + khung Bảng công nhận, biên tiên thưởng xã đạt chuẩn NTM (67 bộ, trong đó năm 2021 chuyển sang là 20 bộ và năm 2021 là 47 bộ)	Bộ	49	500.000	49 bộ x 500.000đ	24.500.000	
-	Mua vật tư văn phòng phẩm là túi, cặp, hộp đựng tài liệu xã, huyện (29 xã, huyện)	Bộ	1363	10.000	49 x 47 bộ/xã x 10.000đ	13.630.000	
-	Mua vật tư văn phòng phẩm là túi, cặp, hộp đựng tài liệu xã năm 2021 chuyển sang (20 xã trong đó: 06 xã NTM, 08 xã NTM nâng cao và 06 xã NTM kiểu mẫu)	Bộ	360	10.000	20 x 18 bộ/xã x 10.000đ	3.600.000	
2	<b>Thuê xe phục vụ Đoàn công tác của tỉnh đi kiểm tra, thẩm tra, thẩm định xã, huyện đạt chuẩn NTM, xã nâng cao, xã kiểu mẫu và chỉ đạo thôn, bản xây dựng NTM (gồm 47 xã, 02 huyện)</b>	Chuyến	13	5.000.000	5000.000đ/chuyến	65.000.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
III	<b>Chi quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai các nội dung thành phần theo nhiệm vụ được phân công; chi hoạt động điều phối NTM.</b>					<b>1.034.800.000</b>	
1	<b>Làm thêm giờ xử lý giải quyết công tác chuyên môn, giúp việc về công tác chuyên môn, giúp việc về công tác chuẩn bị hồ sơ thẩm định.</b>					<b>264.000.000</b>	
-	Số người làm thêm giờ	Người	22				
-	Số giờ làm thêm (22 ng x 200 giờ x 60.000 đ/giờ)	Đồng		60.000	22 ng x 200 giờ = 4600 giờ x 60.000 đ/giờ	264.000.000	
2	<b>Công tác phí phục vụ công tác triển khai đơn đốc, hướng dẫn, kiểm tra cơ sở; thẩm định và công bố các xã đạt chuẩn NTM.</b>					<b>281.000.000</b>	
2.1	Phụ cấp lưu trú					192.000.000	
-	Số cán bộ đi công tác/tháng (20 người x 08 ngày x 6 tháng)	Đồng	20		=20 x 8 ngày x 6 x 200.000 đồng/ngày	192.000.000	
2.2	Thuê phòng nghỉ qua đêm					84.000.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
-	Số cán bộ đi công tác/tháng (20 người x 02 đêm x 6 tháng)	Đồng	20		20 x 2 đêm x 6 x 350.000đ/ng	84.000.000	
2.3	Công tác phí khác ( vé cầu đường, rửa xe...)	đồng		10.000.000		5.000.000	
<b>3</b>	<b>Xăng dầu phục vụ công tác</b>					<b>189.000.000</b>	
-	Xăng dầu công tác trong tỉnh	Chuyến	50	1.500.000	1.500.000đ/ch	75.000.000	
-	Xăng dầu công tác ngoài tỉnh	Chuyến	8	3.000.000	3.000.000đ/ch	24.000.000	
-	Vé máy bay, tàu xe, đi công tác bằng phương tiện tự túc.	Tháng	6	15.000.000	15.000.000đ/th	90.000.000	
<b>4</b>	<b>Các khoản chi khác</b>					<b>270.800.000</b>	
-	Các Đoàn của các tỉnh bạn đến tham quan mô hình NTM	Đoàn	05	10.000.000		50.000.000	
-	Tiền công cho Lao động hợp đồng (04 người x 12 tháng)	Người	04	4.600.000		220.800.000	
<b>5</b>	Chi khác: Chi cho các nội dung phát sinh hoặc nhiệm vụ được giao bổ sung của cấp có thẩm quyền: Chi sửa chữa lớn phương tiện làm việc; hoa tươi chúc mừng dự lễ công bố NTM các tỉnh bạn, chúc mừng các sự kiện, đại hội các cấp, các đoàn đại biểu cấp cao đến làm việc và các phát sinh khác...	<b>Tháng</b>	<b>6</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000đ/ tháng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>Tạm tính bình quân</b>



TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
IV	<b>Vật tư văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, thông tin liên lạc, trang thiết bị, mua sắm tài sản, sửa chữa phương tiện, chi khác...</b>					<b>90.000.000</b>	
1	Vật tư văn phòng phẩm; Thông tin liên lạc; Mua sắm trang thiết bị, tài sản, hoa tươi chúc mừng dự lễ công bố NTM các tỉnh bạn, chúc mừng các sự kiện, các đoàn đại biểu đến làm việc, tuyên truyền, quảng bá sản phẩm và các phát sinh khác phục vụ chuyên môn.	Tháng	6	15.000.000		90.000.000	

**BIỂU 1.1: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ PHỤC VỤ HỘI NGHỊ***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
	Hội nghị, hội thảo, giao ban, triển khai nhiệm vụ.					728.700.000	Dự toán tạm tính bình quân. Thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, danh mục thực tế.
I	Chi HN tổng kết, sơ kết, hội nghị BCĐ tỉnh; Hội nghị giao ban các địa phương phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, Hội nghị tổng kết thôn, bản NTM, NTM kiểu mẫu.	HN	02			430.000.000	
1	Hội nghị tổng kết, sơ kết; Hội nghị BCĐ tỉnh triển khai thực hiện các Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025					293.500.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
a	Số lượng đại biểu: 500 người trong đó (Đại biểu TW: 05, Đại biểu tỉnh: 96, ĐB huyện: 108, Đại biểu xã: 73, Đại biểu thôn, bản và hộ gia đình, các chủ thể, HTX, DN có sản phẩm OCOP: 50, VPĐP 23, báo, đài: 15) = 370 ĐB + LX 120 + Phục vụ 10						
b	Thời gian: 01 ngày						
c	Địa điểm:						
d	Dự toán tiết:					293.500.000	
-	In ấn tài liệu + Túi đựng TL.	Bộ	370	50.000	370 x 50.000đ/bộ	18.500.000	
-	Tuyên truyền và quảng cáo Chương trình				-	8.000.000	
+	Pano khẩu hiệu, băng rôn trang trí tiền sảnh và trước cổng ra vào hội trường.	Bộ	04	1.000.000	Trọn gói	4.000.000	
+	Lô gô cánh diều về sản phẩm OCOP và hình ảnh nông thôn mới.	Bộ	10	400.000	Trọn gói	4.000.000	
-	Hội trường:					90.000.000	
+	Thuê hội trường + máy chiếu	Ngày	01	12.000.000	Trọn gói	12.000.000	
+	Màn hình Let (50 m2)	HN		70.000.000	Trọn gói	70.000.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
+	Hoa tươi trang trí sân khấu hội trường	HN		2.000.000	Trọn gói	2.000.000	
+	Hoa tươi trang trí sân khấu, bàn chủ tọa, bục phát biểu, bàn đại biểu; biển tên, biển chỉ dẫn...)	HN		6.000.000	5.000.000/HN	6.000.000	
-	Chè nước, điểm tâm giữa giờ.	Người	500	40.000	500 đại biểu x 40.000đ/xuất	20.000.000	
-	Chiêu đãi ăn trưa cho đại biểu dự hội nghị hoặc quà tặng sản phẩm OCOP, để phục vụ giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP đạt sao của tỉnh với đại biểu và khách mời tham gia hội nghị.	Người	500	250.000	500 Đại biểu x 250.000đ/xuất	125.000.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho đại biểu thôn, bản, hộ gia đình và chủ thể sản phẩm OCOP dự hội nghị.					20.000.000	
+	Hỗ trợ tiền ăn cho đại không hưởng lương từ NSNN	Người	50	200.000	50 x 200.000đ	10.000.000	
+	Hỗ trợ tiền đi lại cho đại không hưởng lương từ NSNN	Người	50	200.000	50 x 200.000đ	10.000.000	
-	Chi khác phục vụ hội nghị			700.000		12.000.000	
+	Báo cáo tham luận chia sẻ kinh nghiệm của đại biểu	Báo cáo	4	500.000	05 x 500.000đ	2.000.000	
+	Chi khác (hoa tươi chúc mừng khen thưởng thôn, bản, hộ gia đình khen thưởng...)	Bó	50	200.000	50 x 200.000đ/bó	10.000.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
2	Hội nghị tổng kết thực hiện xây dựng thôn, bản NTM, NTM kiểu mẫu năm 2022	HN	01			136.500.000	
a	Số lượng đại biểu: 300 người trong đó: 100 ĐB tỉnh, huyện, xã, 200 đại biểu thôn, bản) = 300 ĐB + 50 LX, p/vụ						
b	Thời gian: 01 ngày						
c	Địa điểm:						
d	Dự toán chi tiết:					136.500.000	
-	In ấn tài liệu + Túi đựng TL.	Bộ	300	40.000	40.000/bộ	12.000.000	
-	Hội trường:					18.000.000	
+	Thuê hội trường + máy chiếu	Ngày	01	12.000.000	Trọn gói	12.000.000	
+	Trang trí hội trường (Bao gồm ma kết, biển tên + trang trí...)	HN	1	6.000.000	Trọn gói	6.000.000	
-	Chè nước, điểm tâm giữa giờ.	Người	350	40.000	40.000/người	14.000.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho đại biểu thôn, bản, hộ gia đình dự hội nghị.					80.000.000	
+	Hỗ trợ tiền ăn cho đại không hưởng lương từ NSNN	Người	200	200.000	100 x 200.000đ	40.000.000	
+	Hỗ trợ tiền đi lại cho đại không hưởng lương từ NSNN	Người	200	200.000	100 x 200.000đ	40.000.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
-	Chi khác phục vụ hội nghị			700.000		12.500.000	
+	Báo cáo tham luận chia sẻ kinh nghiệm của đại biểu	Báo cáo	05	500.000	05 x 500.000đ	2.500.000	
+	Chi khác (hoa tươi chúc mừng khen thưởng thôn, bản, hộ gia đình khen thưởng...)	Bó	50	200.000	50 x 200.000đ/bó	10.000.000	
II	Hội nghị triển khai nhiệm vụ; làm việc với BCD tỉnh, huyện; giao ban, tham quan mô hình, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng NTM giữa các địa phương và các hoạt động, dự án thành phần thuộc Chương trình.	HN	01			9.200.000	
a	Số lượng đại biểu: 70 trong đó 60 ĐB + 10 lái xe, phục vụ						
b	Thời gian: 01 ngày						
c	Địa điểm:						
d	Dự toán chi tiết cho 01 hội nghị:					9.200.000	
-	In ấn tài liệu + túi đựng TL.	Bộ	60	40.000	40.000/bộ	2.400.000	
-	Hội trường (Bao gồm ma kết + trang trí...)	HN	1	4.000.000	Trọn gói	4.000.000	
-	Chè nước, Điểm tâm giữa giờ.	Người	70	40.000	40.000/người	2.800.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
III	<b>Hội nghị, hội thảo; Các hoạt động CM, hoạt động có tính nghiên cứu khoa học; xây dựng cơ chế chính sách; xây dựng đề án; dự thảo bộ tiêu chí; thẩm tra huyện NTM; làm việc với BCD và các Đoàn công tác TW.</b>					<b>201.600.000</b>	
1	Làm việc với các đoàn công tác Trung ương và các đoàn liên ngành thẩm tra huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn NTM.	HN	02			131.200.000	Quyết toán thực tế trên số lượng cụ thể theo các lần thẩm định
a	Số lượng đại biểu: 80 trong đó 60 ĐB + 20 lái xe, phục vụ						
b	Thời gian: 01 ngày						
c	Địa điểm:						
d	Dự toán chi tiết:					65.600.000	
-	In ấn tài liệu + kẹp tài liệu.	Bộ	60	50.000	50.000/bộ	3.000.000	
-	Hội trường (Bao gồm ma kết + trang trí...)	HN	1	4.000.000	Trọn gói	4.000.000	
-	Chè nước, điểm tâm giữa giờ.	Người	80	40.000	40.000/người	3.200.000	
-	Kinh phí tiếp đoàn TW:					30.400.000	
+	Đón và tiếp đoàn TW ăn ngày (02 ngày)	Người	34	300.000	34 x 300.000 x 02 ngày	20.400.000	14 ĐB.TW, 10 ĐB.TH, 10 LX

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
+	Tiền thuê phòng ngủ, ăn sáng cho đại biểu TW 20 người (01 đêm)	Người	20	500.000	20 x 500.000/ng	10.000.000	14 Đại biểu + 06 lái xe
-	Chi khác (giới thiệu sản phẩm OCOP với đoàn công tác TW, khách mới đến làm việc và các phát sinh chi khác...)			25.000.000	Tạm tính	25.000.000	
2	Hội nghị lấy ý kiến dự thảo, tài liệu xin ý kiến UBND tỉnh dự thảo bộ tiêu chí huyện NTM, NTM nâng cao; xã NTM mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2030.	HN	2			70.400.000	Quyết toán thực tế trên số lượng cụ thể theo các lần thẩm định
a	Số lượng đại biểu: 45 đại biểu						
b	Thời gian: 01 ngày						
c	Địa điểm:						
d	Dự toán chi tiết					35.200.000	
*	Chi tiết: 01 HN (45 đại biểu)					18.400.000	
-	In ấn tài liệu + kẹp đựng TL	bộ	45	80.000	45 x 80.000/bộ	3.600.000	
-	Hội trường (Bao gồm ma kết + trang trí...)	HN	01	4.000.000	Trọn gói	4.000.000	



TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
-	Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu góp ý kiến dự thảo bộ tiêu chí	bộ	45	200.000	45 x 200.000/bộ	9.000.000	
-	Chi giải khát giữa giờ.	Người	45	40.000	40.000/người	1.800.000	
*	<b>Chi tiết hội nghị tại UBND tỉnh: 01 HN (60 đại biểu)</b>					<b>16.800.000</b>	
-	In ấn tài liệu + kẹp đựng TL (xin ý tại hội nghị UBND tỉnh)	bộ	60	80.000	60 x 80.000/bộ	4.800.000	
-	Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu góp ý kiến dự thảo bộ tiêu chí (xin ý kiến tại hội nghị UBND tỉnh)	bộ	60	200.000	60 x 200.000/bộ	12.000.000	
IV	<b>Hội nghị công tác thẩm định, thẩm tra xét công nhận huyện, xã đạt chuẩn NTM và xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu năm 2022; Hội nghị tổng kết công tác thẩm định năm 2021, triển khai kế hoạch năm 2022</b>					<b>87.900.000</b>	
1	Hội nghị Hội đồng thẩm định xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu năm 2022.	HN	06		5.600.000/ HN x 06 HN	33.600.000	Quyết toán thực tế trên số lượng cụ thể theo các lần thẩm định
a	Số lượng đại biểu: 40 người						
b	Thời gian: 01 ngày						

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
c	<b>Địa điểm:</b>						
d	<b>DT chi tiết</b>					<b>5.600.000</b>	
-	Trang trí hội trường (Bg: Maket, biển tên, trang trí).	HN	01	4.000.000	Trọn gói	4.000.000	
-	Chè nước, điểm tâm giữa giờ.	Người	40	40.000	40 x 40.000/người	1.600.000	
2	<b>Hội nghị Đoàn thẩm định xã hoàn thành NTM nâng cao 2022.</b>	HN	<b>07</b>			<b>44.800.000</b>	<b>Quyết toán thực tế trên số lượng cụ thể theo các lần thẩm định</b>
a	<b>Số lượng đại biểu: 40 đại biểu</b>						
b	<b>Thời gian: 01 ngày</b>						
c	<b>Địa điểm:</b>						
d	<b>DT chi tiết</b>					<b>6.400.000</b>	
-	Trang trí hội trường (Bg: Maket, biển tên, trang trí).	HN	01	4.000.000	Trọn gói	4.000.000	
-	Chè nước, điểm tâm giữa giờ.	Người	60	40.000	60 x 40.000/người	2.400.000	
3	<b>Hội nghị tổng kết công tác thẩm định xã, thẩm tra huyện NTM năm 2021; Triển khai kế hoạch năm 2022.</b>	HN	<b>01</b>			<b>9.500.000</b>	
a	<b>Số lượng đại biểu + báo đài: 85 trong đó 70 ĐB + 15 lái xe, phục</b>						

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
	<b>vụ</b>						
<b>b</b>	<b>Thời gian: 01 ngày</b>						
<b>c</b>	<b>Dự toán chi tiết</b>					<b>9.500.000</b>	
-	Tài liệu + túi đựng	Bộ	70	30.000	70 x 30.000/bộ	2.100.000	
-	Trang trí hội trường (Bg: Maket, biển tên, trang trí).	HN	01	4.000.000	Trọn gói	4.000.000	
-	Chè nước, điểm tâm giữa giờ.	Người	85	40.000	85 x 40.000/người	3.400.000	

**BIỂU 2: DỰ TOÁN KINH PHÍ TẬP HUẤN KIẾN THỨC XÂY DỰNG NTM NĂM 2022***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>					<b>728.680.000</b>	<b>Dự toán tạm tính bình quân. Thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, danh mục thực tế.</b>
<b>I</b>	<b>Tập huấn cấp, thôn, bản (04 lớp, mỗi lớp 04 ngày, 60 người/lớp).</b>	<b>Lớp</b>	<b>02</b>			<b>415.340.000</b>	
*	<b>Chi phí tổ chức 01 lớp</b>	<b>Lớp</b>	<b>01</b>			<b>207.670.000</b>	
<i>1</i>	<i>Chi giảng viên</i>					<b>20.020.000</b>	
-	Thù lao cho giảng viên (bao gồm cả biên soạn giáo án bài giảng) (02 người x 4 ngày)	Ngày	4	2.000.000	02 người x 04 ngày x 2.000.000,đ/buổi	16.000.000	TT36/2018/TT-BTC
-	Tiền thuê phòng ngủ cho giảng viên (02 người)	Đêm	3	350.000	02 người x 03 đêm x 350.000,đ	2.100.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền ăn cho giảng viên (02 người)	Ngày	4	200.000	02 người x 04 ngày x 200.000,đ	1.600.000	
-	Tiền nước uống cho giảng viên (02 người)	Ngày	4	40.000	02 người x 04 ngày x 40.000,đ	320.000	
<b>2</b>	<b>In, ấn tài liệu, vật tư Văn phòng phẩm:</b>					<b>6.600.000</b>	<b>TT 36/2018/TT-BTC</b>

TT	Nội dung	ĐVT	Số	Đơn giá	Diễn giải	Kinh phí	Ghi chú
-	In, ấn tài liệu	Bộ	60	80.000	60 bộ x 80.000,đ/bộ	4.800.000	
-	Vật tư văn phòng phẩm	Bộ	60	30.000	60 bộ x 30.000,đ/bộ	1.800.000	
<b>3</b>	<b>Chi hỗ trợ học viên:</b>					<b>132.600.000</b>	<b>TT 40/2017/TT-BTC</b>
-	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương từ NSNN	Người	60	200.000	60 người x 04 ngày x 200.000,đ	48.000.000	nt
-	Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên không hưởng lương từ NSNN	Người	60	200.000	60 người x 200.000,đ	12.000.000	nt
-	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên không hưởng lương từ NSNN	Người	60	350.000	60 người x 03 đêm x 350.000,đ	63.000.000	nt
-	Nước uống	người	60	40.000	60 người x 4 ngày x 40.000,đ	9.600.000	nt
<b>4</b>	<b>Chi quản lý lớp</b>					<b>10.050.000</b>	
-	Công tác phí (05 người x 04 ngày)	Người	05	200.000	05 người x 04 ngày x 200.000,đ	4.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền thuê phòng nghỉ (05 người x 03 đêm)	Người	05	350.000	05 người x 03 đêm x 350.000,đ	5.250.000	nt
-	Nước uống (05 người x 04 ngày)	người	05	40.000	05 người x 04 ngày x 40.000,đ	800.000	nt
<b>4</b>	<b>Chi phí mở lớp</b>					<b>38.400.000</b>	

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Kinh phí</b>	<b>Ghi chú</b>
-	Hoa tươi khai giảng	Lớp	01	1.000.000	01 lớp x 1.000.000,đ	1.000.000	TT 36/2018/TT-BTC
-	Khen thưởng học viên	Người	10	200.000	10 người x 200.000,đ	2.000.000	nt
-	Chi phí khác (Tặng quà nơi đến tham quan thực tế)	Điểm	02	5.000.000	02 điểm x 5.000.000,đ	10.000.000	nt
-	Xăng xe, phương tiện đưa đón giảng viên, lãnh đạo tham dự khai giảng bế giảng và cán bộ quản lý lớp	Người	08	300.000	08 chuyến x 300.000,đ	2.400.000	nt
-	Thuê xe đưa đón học viên đi thực tế (01 ngày)	Xe	02	5.000.000	02 xe x 5.000.000,đ	10.000.000	nt
-	Thuê hội trường, loa, đài phục vụ	Ngày	04	2.000.000	04 ngày x 2.000.000,đ	8.000.000	nt
-	Thêm giờ (chấm bài thu hoạch và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán)	Lớp	01	2.000.000	01 lớp x 2.000.000,đ		nt
-	Chi khác (Khai giảng, bế giảng, trông xe, hỗ trợ tiền điện thoại, chụp ảnh lưu niệm và chi khác phát sinh...)	Lớp	01	5.000.000	01 lớp x 5.000.000,đ	5.000.000	
<b>II</b>	<b>Tập huấn cho cán bộ cấp huyện, xã (02 lớp, mỗi lớp 04 ngày, 60 người/lớp).</b>	<b>Lớp</b>	<b>2</b>			<b>313.340.000</b>	
*	<b>Chi phí tổ chức 01 lớp</b>	<b>Lớp</b>	<b>01</b>			<b>156.670.000</b>	
<b>1</b>	<b>Chi giảng viên</b>					<b>20.020.000</b>	

TT	Nội dung	ĐVT	Số	Đơn giá	Diễn giải	Kinh phí	Ghi chú
-	Thù lao cho giảng viên (bao gồm cả biên soạn giáo án bài giảng) (02 người x 04 ngày)	Ngày	4	2.000.000	02 người x 04 ngày x 2.000.000,đ	16.000.000	TT36/2018/TT-BTC
-	Tiền thuê phòng ngủ cho giảng viên (02 người)	Đêm	3	350.000	02 người x 03 đêm x 350.000,đ	2.100.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền ăn cho giảng viên (02 người)	Ngày	4	200.000	02 người x 04 ngày x 200.000,đ	1.600.000	
-	Tiền nước uống cho giảng viên (02 người)	Ngày	4	40.000	02 người x 04 ngày x 40.000,đ	320.000	
2	<b><i>In, ấn tài liệu, vật tư Văn phòng phẩm:</i></b>					<b>6.600.000</b>	<b><i>TT 36/2018/TT-BTC</i></b>
-	In, ấn tài liệu	Bộ	60	80.000	60 bộ x 80.000,đ/bộ	4.800.000	
-	Vật tư văn phòng phẩm	Bộ	60	30.000	60 bộ x 30.000,đ/bộ	1.800.000	
3	<b><i>Chi hỗ trợ học viên:</i></b>					<b>69.600.000</b>	<b><i>TT 40/2017/TT-BTC</i></b>
-	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên (02 ngày)	Người	60	100.000	60 người x 02 ngày x 100.000,đ	12.000.000	nt
-	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên đi thực tế (02 ngày)	Người	60	200.000	60 người x 02 ngày x 200.000,đ	24.000.000	nt
-	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên đi thực tế (01 đêm)	Người	60	400.000	60 người x 01 đêm x 400.000,đ	24.000.000	nt

TT	Nội dung	ĐVT	Số	Đơn giá	Diễn giải	Kinh phí	Ghi chú
-	Nước uống	người	60	40.000	60 người x 04 ngày x 40.000,đ	9.600.000	nt
<b>4</b>	<b>Chi quản lý lớp</b>					<b>10.050.000</b>	
-	Công tác phí (05 người x 04 ngày)	Người	05	200.000	05 người x 04 ngày x 200.000,đ	4.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền thuê phòng nghỉ (05 người x 03 đêm)	Người	05	350.000	05 người x 03 đêm x 350.000,đ	5.250.000	nt
-	Nước uống (05 người x 04 ngày)	người	05	40.000	05 người x 04 ngày x 40.000,đ	800.000	nt
<b>5</b>	<b>Chi phí mở lớp</b>					<b>50.400.000</b>	
-	Hoa tươi khai giảng	Lớp	01	1.000.000	01 lớp x 1.000.000,đ	1.000.000	TT 36/2018/TT-BTC
-	Khen thưởng học viên	Người	10	200.000	10 người x 200.000,đ	2.000.000	nt
-	Chi phí khác (Tặng quà nơi đến tham quan)	Điểm	02	5.000.000	02 điểm x 5.000.000,đ	10.000.000	nt
-	Xăng xe, phương tiện đưa đón giảng viên, lãnh đạo tham dự khai giảng bế giảng và cán bộ quản lý lớp	Người	08	300.000	08 chuyến x 300.000,đ	2.400.000	nt
-	Thuê xe đưa đón học viên đi thực tế (02 ngày)	Xe	02	5.000.000	02 xe x 02 ngày x 5.000.000,đ	20.000.000	nt



<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Kinh phí</b>	<b>Ghi chú</b>
-	Thuê hội trường, loa, đài phục vụ	Ngày	04	2.000.000	04 ngày x 2.000.000,đ	8.000.000	nt
-	Thêm giờ (chăm bài thu hoạch và hoàn thiện thủ tục thanh toán)	Lớp	01	2.000.000	01 lớp x 2.000.000,đ	2.000.000	nt
-	Chi khác (Khai giảng, bế giảng, trông xe, hỗ trợ tiền điện thoại, chụp ảnh lưu niệm và chi khác phát sinh...)	Lớp	01	5.000.000	01 lớp x 5.000.000,đ	5.000.000	

**BIỂU 3: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT HÀNH BẢN TIN NTM NĂM 2022***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
*	<b>TỔNG CỘNG:</b>					<b>1.028.750.000</b>	<b>Dự toán tạm tính bình quân. Thanh toán, quyết toán theo nội dung, khối lượng, danh mục thực tế.</b>
<b>I</b>	<b>Tuyên truyền, phát hành Bản tin NTM hàng tháng</b>	<b>Tháng</b>	<b>6</b>			<b>248.000.000</b>	
1	In bản tin	Cuốn	900	30.000	30.000đ/cuốn x 900 cuốn x 6 số	162.000.000	
2	Biên tập, nhuận bút viết tin, bài 12 bài/số (6 tháng)	Bài	12	500.000	500.000đ/bài x 12 bài x 6 số	36.000.000	
3	In ảnh, chuyển fax nhanh, HN cộng tác viên và chi khác...	Tháng	6	100.000.000		50.000.000	
<b>II</b>	<b>Đặt mua báo Nông nghiệp VN cho các xã xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.</b>	<b>Xã</b>	<b>465</b>	<b>1.500.000</b>	<b>465 x 1.500.000đ/xã x 6 tháng</b>	<b>348.750.000</b>	<b>Tính bình quân số xã/năm</b>
<b>III</b>	<b>Phối hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và làm việc với Báo chí.</b>	<b>6 tháng</b>		<b>300.000.000</b>	<b>Tạm tính</b>	<b>150.000.000</b>	
	Phối hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và làm việc với Báo chí.					<b>150.000.000</b>	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
<b>IV</b>	Xây dựng chuyên trang, chuyên đề về xây dựng NTM. Phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đăng trên báo định kỳ hàng tuần và các số ra đặc biệt, .					<b>255.000.000</b>	
1	Xây dựng chuyên trang, chuyên đề về xây dựng NTM, Phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.	6 tháng		100.000.000	Tính theo trang cụ thể	50.000.000	
2	Xây dựng chuyên trang, chuyên đề về xây dựng NTM, phát trên Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh đăng trên báo định kỳ hàng tuần và các số đặc biệt; clip phục vụ HN					205.000.000	
-	Phối hợp tuyên truyền đăng tin, bài, phát hành định kỳ, đăng tin trên báo Thanh Hóa.	6 tháng		100.000.000	Tính theo trang cụ thể	50.000.000	
-	Phối hợp tuyên truyền đăng tin, bài, phát hành định kỳ trên Báo nông thôn ngày nay.	6 tháng		100.000.000	Tính theo trang cụ thể	50.000.000	
-	Phối hợp tuyên truyền trên Báo điện tử Thanh Hóa cuối tuần	6 tháng		50.000.000	Tính theo trang cụ thể	25.000.000	
-	Clíp, phóng sự tuyên truyền về xây dựng thôn, bản NTM, NTM kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa; tại Hội nghị tổng kết thực hiện xây dựng thôn, bản NTM, NTM kiểu mẫu năm 2022.		1	40.000.000	Trọn gói	40.000.000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Mức tính	Diễn giải	Kinh phí (đồng)	Ghi chú
-	Clíp, phóng sự tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa; tại Hội nghị tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa năm 2022. Kế hoạch năm 2023 của BCD tỉnh.		1	40.000.000	Trọn gói	40.000.000	
<b>V</b>	<b>Biên tập tin, bài ảnh trên trang Website: nongthonmoithanhhoa.vn</b>					<b>27.000.000</b>	
	Biên tập tin, bài ảnh trên trang Website: nongthonmoithanhhoa.vn	Tháng	12	2.000.000	2.000.000đ/tháng x 12 tháng	24.000.000	
	Chí phí thuê Website: nongthonmoithanhhoa.vn	Năm	01	3.000.000	01 năm x 3.000.000,đ	3.000.000	